

HÀNH TRÌNH ĐẾN THIÊN CHÚC LINH MỤC

Linh mục Phêrô Trần Mạnh Hùng

Biến cố tháng 4 năm 1975 đã trở thành một mốc lịch sử đối với nhiều người Việt sinh sống ở miền Nam, bởi biến cố này đã đem đến nhiều nỗi buồn và thay đổi cho cuộc sống của người dân khi miền Nam bị thất thủ.

Tôi sinh ra và lớn lên vào thời chiến tranh, khi người Mỹ mới đặt chân lên quê hương Việt Nam, và rồi lớn lên trong chiến sự giữa hai miền Nam Bắc. Khi chiến tranh kết thúc, tôi mới ở lứa tuổi vị thành niên. Dù không biết nhiều về những thời cuộc chiến tranh và những gì đang diễn ra vào thời đó, nhưng tôi vẫn cảm thấy buồn và đau xót, khi chứng kiến nhiều người bị chết thảm thương, bỏ lại những người thân yêu. Trong số đó, phần đông là những người lính quân đội Việt Nam Cộng Hòa, và những người thường dân vô tội. Tôi thấy xót xa cho những bé mồ côi bị mất cha hay mẹ hoặc cả hai, và những quả phụ là những người phụ nữ trẻ có chồng, nhưng chẳng được cái diễm phúc sống bên nhau. Nhiều lúc tôi nhìn những em bé bơ vơ không nơi nương tựa, tôi xót xa cho cảnh đời đen bạc và cho quê hương đang rục rủa chiến tranh, nặng mùi thuốc súng.

Rồi khi cuộc nội chiến đã chấm dứt vào tháng 4 năm 1975. Người ta tưởng như vậy là người dân đã có thể sống trong hòa bình, độc lập, tự do và hạnh phúc. Nhưng trong thực tế thì khác hẳn. Bây giờ sau nhiều năm đã trải qua, đất nước dù đã thanh bình không còn chiến tranh như ngày nào, nhưng người dân vẫn khổ, tự do vẫn còn giới hạn và hạnh phúc âm no, có lẽ vẫn chỉ là một giấc mơ mà chẳng biết bao giờ mới có hiện thực.

Trong hoàn cảnh đó, tôi đã cảm thấy tiếng Chúa kêu mời, ban đầu tôi đã kháng cự quyết liệt, vì tôi nghĩ mình không thể đáp lại lời mời gọi đó. Trước tiên, vì không có chủng viện để theo học. Thứ đến, tôi tự cảm thấy mình không xứng đáng trở thành

môn đệ của Đức Giêsu Kitô. Tuy nhiên, Thiên Chúa có cách thể riêng để thực hiện chương trình của Ngài.

Chúa đã an bài cho tôi và Ngài đã đưa tôi ra khỏi vùng đất hình cong chữ S để sau đó tôi có thể định cư ở một quốc gia khác, hầu tiếp tục đeo đuổi hành trình ơn gọi của mình. Tôi rời Việt Nam vào cuối năm 1981 bằng đường biển. Hành trình vượt biên của tôi đầy dẫy những cam go và thử thách, bắt đầu từ khi còn ở trong bờ cho đến đi qua các trạm kiểm soát bằng đường thủy và cuối cùng là ra đến điểm hẹn để leo lên chiếc tàu gỗ. Đó chỉ là một chiếc thuyền đánh cá rất nhỏ, sơ sài về máy móc, nhưng chúng tôi có cả thủy là 50 người, gồm có người lớn, em bé, người già và thanh niên nam nữ. Và chúng tôi bắt đầu nhổ neo cho tàu ra khơi. Chúng tôi không thể định hướng một cách chính xác là mình đang đi hướng nào, vì hải bàn của chúng tôi không có tốt lắm. Cũng may chủ lái tàu (hay còn gọi là chủ tài công) là người ngư phủ có nhiều kinh nghiệm về việc hàng hải, đã từng ra hải phận Mã Lai để đánh cá, nên chú ấy có thể ngắm sao để tìm phương hướng, lẽ đó, chúng tôi cũng còn một tí hy vọng là mình sẽ đi đến nơi mà chúng tôi muốn tới.

Năm ngày lênh đênh trên biển cả, gặp sóng to và bão lớn, thêm vào đó thời tiết lại xấu vô cùng. Mây đen lúc nào cũng dày đặc. Mặt nước đại dương thì đen kịt, không có màu xanh da trời như tôi vẫn thường thấy ở bãi biển. Đã có lúc tưởng chừng như chúng tôi muốn buông xuôi tất cả vì không còn hy vọng gì cả. Chúng tôi đã chuẩn bị tâm lý sẵn sàng là mình không thể sống sót hoặc con tàu của chúng tôi sẽ không bao giờ cập bến bằng an. Cái chết đối với chúng tôi lúc đó được coi như là một khả thể, và dù không nói ra, ai nấy đều âm thầm khẩn vái ơn trên, kêu cầu sự chở che của Đấng Tối Cao để cho con tàu nhỏ bé của chúng tôi sớm được tấp vào một mảnh đất liền nào đó, vì chúng tôi quá ư sợ hãi với đại dương mênh mông và với sóng cả ba đào. Chúng tôi thậm nghĩ: nếu có chết, thì xin được chết trên đất liền, chứ đừng có làm mồ cho cá mập. Điều này cứ ám ảnh tôi và những người bạn trên chuyến tàu.

Nhưng rồi chúng tôi đã thực sự hết sức may mắn..., cuối cùng sau nhiều ngày chèo chống với sóng bão, con tàu nhỏ bé của chúng tôi đã đến được một hòn đảo tí

nạn nhỏ bé, có tên là “**Pulau Bidong**” ở Malaysia.¹ Chúng tôi không thể nào diễn tả hết sự vui mừng của mình khi được đặt chân lên hòn đảo này. Thế là chúng tôi đã “thoát nạn”. Lòng chúng tôi reo mừng hơn hở, dù thân xác lúc bấy giờ chả ai còn sức mạnh đủ để reo vang, hò hét. Mỗi người trong chúng tôi, dù không thốt lên lời, nhưng từ trong đáy tim đều âm thầm cảm tạ “on trên”, cảm tạ “Thượng Đế” đã thương cho chúng tôi một con đường để sống, và nhờ đó mà chúng tôi đã có thể làm lại cuộc đời.

Tôi đã ở trong trại tị nạn tại hòn đảo **Pulau Bidong**² khoảng 6 tháng rưỡi, rồi sau đó được chuyển sang trại chuyển tiếp ở Sungei Besi tại thành phố Kuala Lumpur và sống tại đây thêm 1 tháng rưỡi nữa, như vậy tổng cộng là 8 tháng, trước khi tôi được đi định cư ở nước Úc. Hơn 6 tháng trời sinh sống trên hòn đảo nhỏ bé ấy, với biết bao sự khổ cực từ tinh thần đến vật chất. Cái đau khổ lớn lao đối với tôi là mình đang sống trong sự tuyệt vọng, vì lúc đó, tôi không biết tương lai mình sẽ đi về đâu. Tôi sống trong sự chờ đợi vô vọng và chỉ biết trông chờ nơi tấm lòng trắc ẩn của một quốc gia nào đó, cho tôi có được cái may mắn là có thể được tái định cư nơi quê hương, đất nước của họ. Tôi cảm nghiệm được thế nào là thân phận của người tị nạn và xa quê hương.

Cuối cùng tôi đã gặp may mắn là được nước Úc nhận và hứa sẽ cho đi định cư sau thời gian chờ đợi, trong nỗi niềm hy vọng rất mong manh. Kể từ khi đến Úc, tôi bắt đầu học lại tiếng Anh với dự định rằng một ngày nào đó, tôi sẽ có thể trở lại chủng viện để học tiếp chương trình đào tạo làm linh mục, thực hiện ước mơ mà tôi đã hằng ấp ủ trong tim bấy lâu nay.

¹ . Đảo này được biết đến chủ yếu vì đây mở trại tạm cư cho người Việt tị nạn trong những đợt vượt biên liên tiếp của **thuyền nhân** từ năm 1975 đến năm 1991.

Trại tị nạn do **Cao ủy Tỵ nạn Liên Hợp Quốc** (UNHCR) điều hành từ **8 tháng 8** năm 1978, được dùng làm nơi chuyển tiếp cho những người đợi đi định cư sang các nước thứ ba, phần lớn là đi **Mỹ, Canada, Úc** và **Pháp**. Đến **30 tháng 10** năm **1991** khi trại đóng cửa thì nơi đây đã tiếp đón 250.000 người tị nạn. Vào thời điểm đó, khoảng 9.000 người với hồ sơ không giải quyết được đều bị buộc trở về Việt Nam. https://vi.wikipedia.org/wiki/Pulau_Bidong (Truy cập, ngày 24.12.2021).

² . History Vietnamese Refugees in Bidong Island Malaysia - Lịch sử Người tị nạn Việt Nam ở đảo Bidong. <https://www.youtube.com/watch?v=v-i2Ufclczc> (Truy cập, ngày 24.12.2021)

Thời gian đầu đối với tôi thật vất vả. Tôi cảm thấy mình lạc vào một môi trường văn hóa gần như khác hoàn toàn. Các phong tục tập quán chẳng giống như ở quê nhà. Mọi người nói chuyện, cư xử và liên hệ với nhau theo những cách thức khác lạ so với những gì tôi đã trải nghiệm trước kia. Và sự khác biệt ngôn ngữ là trở ngại lớn nhất đối với tôi lúc đó. Tôi có cảm giác mình bị tách biệt với xã hội bên ngoài, vì tôi không thể hiểu họ nói gì và cũng chẳng có am tường nhiều lắm về cách sống tại đây.

Tôi như người câm điếc, nghe mà không hiểu, có miệng mà nói thì không được, cho nên tôi không thể giao tiếp một cách rộng rãi với người bản xứ. Tôi không thể diễn đạt lưu loát và bày tỏ tư tưởng của mình để cho họ có thể hiểu được điều tôi mà tôi mong muốn truyền đạt, vì tiếng Anh của tôi lúc đó còn quá yếu, chưa có thể nói thông thạo. Đôi lúc tôi chỉ muốn hét thật to để có thể thoát ra khỏi trạng thái thất vọng của mình. Phải thú thật rằng hai năm đầu khi mới tới Úc, tôi cảm thấy hơi suy sụp về tinh thần và thất vọng vô cùng. Tôi thấy cô đơn và lạc lõng, vì tôi không có lấy một người thân, không họ hàng, bạn bè chỉ có vài đứa, không tiền bạc trong túi. Rồi với vô vàn khó khăn đó, tôi đã phải bắt đầu gây dựng một cuộc sống mới, để tự lo cho chính mình và gần như không có một sự trợ giúp nào cả.

Nhưng Thiên Chúa luôn là người bạn đồng hành với tôi. Ngài ban cho tôi ý chí và sự mạnh mẽ. Ngài luôn động viên tôi để tôi có thể tiếp tục sống bất chấp mọi khó khăn. Ngài dẫn tôi qua bóng đêm cuộc đời, cho dù cũng có lúc tôi đã không nhận ra sự hiện diện của Ngài. Ngài luôn ở đó với tôi mỗi khi tôi cần Ngài. Nếu không có Ngài, có lẽ tôi đã không thể bước tiếp và cũng không thể đạt được những kết quả như ngày hôm nay. Sau nhiều năm nhìn lại, tôi xác tín rằng: những gì tôi đã thực hiện được cho đến giờ phút này đều bởi hồng ân lớn lao của Thiên Chúa. Đáng đã yêu thương tôi. Chính Ngài là sức mạnh của tôi là nơi tôi nương tựa. Ngài đã dìu dắt và hướng dẫn tôi để rồi tôi có được như ngày hôm nay. Vì thế, tôi luôn tri ân Thiên Chúa, Đáng đã đoái thương đến thân phận nhỏ bé và nghèo hèn của tôi và đã gọi tôi theo Ngài, đặc biệt Ngài đã chọn tôi để trở thành linh mục Dòng Chúa Cứu Thế. Nhiều lần tôi trộm nghĩ là cái ngày lãnh sứ vụ linh mục của tôi sẽ không bao giờ có.

Tôi hầu như hoàn toàn thất vọng và không dám mơ ước là mình sẽ được ban cho một cơ may khác, để có thể tiếp tục hoàn tất chương trình học, hầu mai ngày tôi có thể trở thành linh mục của Đức Giêsu Kitô.

Tuy nhiên, Thiên Chúa luôn trung tín với lời hứa, và những gì Ngài đã hứa thì Ngài sẽ thực hiện đến cùng. Bởi vậy mà tôi luôn luôn xác tín nơi Ngài. Tôi tin rằng:
NGÀI LUÔN HIỆN DIỆN BÊN TÔI.

Xin kính dâng Thiên Chúa lời cảm tạ và tri ân thật thắm sâu xuất phát từ tận đáy lòng con.

